Chi tiết mã HS 8541.30.00

Mã HS	8541.30.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị bán dẫn (ví dụ, đi-ốt, bóng bán dẫn (tranzito), bộ chuyển đổi dựa trên chất bán dẫn); thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng mô-đun hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED), đã hoặc chưa lắp ráp với đi-ốt phát quang (LED) khác; tinh thể áp điện đã lắp ráp / - Thyristors, diacs và triacs, trừ thiết bị cảm quang
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	15/11/2026 10:59:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85413000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15979
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15979
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15979
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15323
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15252
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15252
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15252
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15252
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15252
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15252
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15308
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15308
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15308
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15308

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15308
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15308
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15309
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15309
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15309
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15309
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15309
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15309
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15310
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15258
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15266
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15266
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15266
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15266
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15266
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15266
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15306
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15306
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15306
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15306
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15306
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15306
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15368
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15368
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15368
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15368

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15368
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15368
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15342
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15342
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15342
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15342
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15342
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15342
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15345
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15345
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15345
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15345
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15345
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15345
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15351
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15351
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15351
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15351
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15351
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15351
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15350
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15350
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15350
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15350
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15350
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15339
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15339
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15339
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15339
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15339
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15339
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15339
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15333
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15333
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15333
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15333
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15333
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15333
RCEP B	2022	2022	0	B!D15333
RCEP B	2023	2023	0	B!E15333
RCEP B	2024	2024	0	B!F15333
RCEP B	2025	2025	0	B!G15333
RCEP B	2026	2026	0	B!H15333
RCEP B	2027	2027	0	B!I15333
RCEP C	2022	2022	0	C!D15333
RCEP C	2023	2023	0	C!E15333
RCEP C	2024	2024	0	C!F15333
RCEP C	2025	2025	0	C!G15333
RCEP C	2026	2026	0	C!H15333
RCEP C	2027	2027	0	C!I15333
RCEP D	2022	2022	0	D!D15332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15332
RCEP D	2024	2024	0	D!F15332
RCEP D	2025	2025	0	D!G15332
RCEP D	2026	2026	0	D!H15332
RCEP D	2027	2027	0	D!I15332
RCEP E	2022	2022	0	E!D15336
RCEP E	2023	2023	0	E!E15336
RCEP E	2024	2024	0	E!F15336
RCEP E	2025	2025	0	E!G15336
RCEP E	2026	2026	0	E!H15336
RCEP E	2027	2027	0	E!I15336
RCEP F	2022	2022	0	F!D15333
RCEP F	2023	2023	0	F!E15333
RCEP F	2024	2024	0	F!F15333
RCEP F	2025	2025	0	F!G15333
RCEP F	2026	2026	0	F!H15333
RCEP F	2027	2027	0	F!I15333
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14300
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14300
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14300
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14300

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8541.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8541.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15979), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.